

Bản án số: 159/2026/DS-ST
Ngày: 12-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Minh Hương;

- Ông Lê Thành Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 336/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm: 1984; đăng ký thường trú: Số B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Quang T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Số B, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/10/2025) – vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1966; đăng ký thường trú: Số G, tổ G, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký tạm trú: Nhà trọ Trần Thị M, tổ H, khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025 và ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng K và người đại diện hợp pháp trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, ngày 07/11/2020 bà Nguyễn Thị Hồng K có cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 07/11/2020 đến ngày 07/11/2023), lãi suất 2,7%/tháng. Việc vay tiền được hai bên lập “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020 và ký tên, in dấu vân tay vào hợp đồng.

Đến thời hạn trả tiền (ngày 07/11/2023), ông N không thanh toán số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng theo thỏa thuận mà nhiều lần hứa hẹn, cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ.

Do đó, bà Nguyễn Thị Hồng K khởi kiện yêu cầu Tòa Án buộc ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm trả cho bà K các khoản sau:

- Nợ gốc: 700.000.000 đồng;
- Lãi phát sinh theo mức lãi suất 20%/năm, thời gian trả lãi là từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2026 (30 tháng), cụ thể: $700.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 232.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 932.400.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà K nhận thấy: Thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2026 là 27 tháng. Do lỗi đánh máy và tính toán nên nguyên đơn đã ghi nội dung yêu cầu tính tiền lãi tại đơn khởi kiện chưa đúng. Hiện hoàn cảnh của ông N rất khó khăn nên bà K không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian còn lại.

Bà K xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án buộc ông N trả tiền gốc 700.000.000 đồng và lãi phát sinh trong 20 tháng là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 232.400.000 \text{ đồng}$.

2. Bị đơn Nguyễn Văn N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2026 như sau:

Ông N và bà K có mối quan hệ bạn bè. Ông N không vay tiền của bà K. Chữ ký và dấu vân tay tại mục Bên B trong “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020 không phải của ông N. Do đó, ông N hoàn toàn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K.

3. Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, có cơ sở xác định chữ ký, dấu vân tay tại “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020 là của ông N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 700.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 1,66%/tháng, buộc bị đơn thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông **Võ Quang T** và bị đơn ông **Nguyễn Văn N** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Hồng K** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **Nguyễn Văn N** thanh toán số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là: $700.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 232.400.000 \text{ đồng}$ theo “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020.

Bị đơn xác định không vay tiền của nguyên đơn; chữ ký và dấu vân tay tại “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020 không phải là của bị đơn. Bị đơn không yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về vụ việc cho Tòa án.

[3] Xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được thì thấy:

Nguyên đơn cung cấp “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Nội dung văn bản này thể hiện Bên A (**Nguyễn Thị Hồng K**) có cho Bên B (**Nguyễn Văn N**) vay số tiền 700.000.000 đồng. Tại mục Bên B của hợp đồng có chữ ký, dấu vân tay và dòng chữ “**Nguyễn Văn N**”.

Tòa án đã tiến hành lấy mẫu so sánh là chữ ký, dấu vân tay của bị đơn **Nguyễn Văn N** tại: Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 27/3/2026 (kí hiệu M1); Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 27/3/2026 (kí hiệu M2); Bản tự khai đề ngày 27/3/2026 (kí hiệu M3); Biên bản giao nhận đề ngày 27/3/2026 (kí hiệu M4) và trưng cầu giám định tại **Phòng K1 - Công an Thành phố H**. Kết quả giám định:

- Chữ ký mang tên **Nguyễn Văn N** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (“Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020) so với chữ ký của **Nguyễn Văn N** trên 04 (bốn) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

- Dấu vân tay mang tên **Nguyễn Văn N** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (“Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020) so với dấu vân tay của **Nguyễn Văn N** trên 02 (hai) tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là dấu vân tay của cùng một người.

Như vậy có cơ sở xác định chữ ký, dấu vân tay tại mục Bên B của “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020 là của ông **Nguyễn Văn N**, ông **N** có vay số tiền 700.000.000 đồng của bà **Nguyễn Thị Hồng K**.

[4] Về tiền lãi:

Tại mục 3.1 Điều 3 của “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 07/11/2020, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,7%/tháng, tức 32,4%/năm. Lãi suất theo thỏa thuận của các bên vượt quá lãi suất giới hạn (20%/năm) được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, mức lãi suất vượt quá (32,4% - 20% = 12,4%) không có hiệu lực.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chịu tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng, thời gian yêu cầu tính lãi: 20 tháng, cụ thể yêu cầu của nguyên đơn là: 700.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 20 tháng = 232.400.000 đồng.

Xét thấy, mốc thời gian nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi là từ tháng 11/2023 đến tháng 02/2026, tức 27 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền lãi trong 20 tháng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu xác định làm căn cứ tính tiền lãi là 1,66%/tháng, mức lãi suất này phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi bị đơn **Nguyễn Văn N** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn **Nguyễn Thị Hồng K** là: 700.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 20 tháng = 232.400.000 đồng.

[5] Từ các nhận định trên, xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về chi phí giám định: Bị đơn ông **Nguyễn Văn N** phải chịu.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 161, Điều 162; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Hồng K** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn N** về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông **Nguyễn Văn N** có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng K** số tiền:

+ Nợ gốc: 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng);
+ Tiền lãi phát sinh: 232.400.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tổng cộng: 932.400.000 đồng (chín trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà **Nguyễn Thị Hồng K** cho đến khi thi hành án xong, ông **Nguyễn Văn N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông **Nguyễn Văn N** phải chịu 39.972.000 đồng (ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng K** 18.853.500 đồng (mười tám triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0038744, ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí giám định: Ông **Nguyễn Văn N** phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Bà **Nguyễn Thị Hồng K** đã tạm ứng chi phí giám định nên ông **Nguyễn Văn N** có trách nhiệm hoàn lại 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho bà **Nguyễn Thị Hồng K**.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung)/.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân